

Hướng dẫn Soạn Văn 7 Từ láy gồm gợi ý trả lời các câu hỏi thuộc phần 1, 2 trang 43 sách giáo khoa tập 1 được trình bày chi tiết, dễ hiểu. Mời quý thầy cô cùng các em học sinh tham khảo

Phần I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Các loại từ láy

a) Xem xét hình thức âm thanh của các từ láy (được in đậm) trong các câu dưới đây. So sánh để nhận thấy sự khác nhau về đặc điểm âm thanh giữa các từ đăm đăm, mếu máo, liêu xiêu.

- Em cắn chặt môi im lặng, mắt lại đăm đăm nhìn khắp sân trường, từ cột cờ đến tấm bảng tin và những vạch than vẽ ô ăn quan trên hè gạch.

- Tôi mếu máo trả lời và đứng như chôn chân xuống đất, nhìn theo cái bóng bé nhỏ liêu xiêu của em tôi trèo lên xe.

(Trích Cuộc chia tay của những con búp bê)

Gợi ý: Từ láy được cấu tạo như thế nào? Trong các từ láy in đậm trên, các tiếng được lấy lại toàn bộ hay bộ phận? Căn cứ vào đặc điểm về âm thanh này của các từ để chia chúng thành các loại: láy toàn bộ, láy bộ phận (láy phụ âm đầu, láy phần vần).

b) Tìm thêm các từ láy cùng loại với các từ trên rồi điền vào bảng sau:

Láy toàn bộ đăm đăm, ...

Láy phụ âm đầu mếu máo, ...

Láy bộ phận

Láy phần vần liêu xiêu, ...

d) Các từ in đậm trong ví dụ dưới đây đúng hay sai? Nếu sai, hãy chữa lại cho đúng.

Vừa nghe thấy thế, em tôi bắt giác run lên bật bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi.

Cặp mắt đen của em lúc này buồn thắm thắm, hai bờ mi đã sung mọng lên vì khóc nhiều.

Gợi ý: Các từ bật bật, thẳm thẳm sai về nguyên tắc cấu tạo từ láy toàn bộ. Từ láy toàn bộ có trường hợp láy lại nguyên dạng âm gốc như đăm đăm, song cần lưu ý các trường hợp do sự hoà phối âm thanh nên tiếng láy có biến đổi thanh điệu, phụ âm cuối, chẳng hạn: đo trong đo đo, xôm trong xôm xốp, bần trong bần bật, thẳm trong thẳm thẳm,... Các từ này vẫn thuộc loại từ láy toàn bộ.

2. Nghĩa của từ láy

a) Nghĩa của các từ láy ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu được tạo thành do đặc điểm gì về âm thanh?

Gợi ý: Các từ này được tạo thành dựa trên nguyên tắc mô phỏng âm thanh (còn gọi là từ láy tượng thanh): Ha hả như tiếng cười, oa oa giống như âm thanh tiếng khóc của em bé, tích tắc giống như âm thanh quả lắc đồng hồ, gâu gâu giống như âm thanh của tiếng chó sủa.

b) Nhận xét về đặc điểm âm thanh của các nhóm từ láy sau:

(1) lí nhí, li ti, ti hí.

(2) nhấp nhô, phập phồng, bập bênh.

Gợi ý:

- Các từ thuộc nhóm (1) đều có khuôn vần i. Âm thanh của khuôn vần này gợi ra những cái nhỏ vun, tương ứng với những sự vật, hiện tượng mà các từ lí nhí, li ti, ti hí,... biểu đạt.
- Các từ thuộc nhóm (2) có đặc điểm là:
 - Láy bộ phận phụ âm đầu, tiếng gốc đứng sau.
 - Các tiếng láy đều có chung vần âp, có thể hình dung mô hình cấu tạo loại từ này như sau: (x + âp) + xy; trong đó, x là phụ âm được láy lại, y là phần vần của tiếng gốc, âp là phần vần của tiếng láy.
 - Các từ thuộc nhóm này có chung đặc điểm ý nghĩa là: Chỉ sự trạng thái chuyển động liên tục, hoặc sự thay đổi hình dạng của sự vật.

c) So sánh giữa nghĩa của tiếng gốc và nghĩa của từ láy trong các trường hợp sau:

- mềm / mềm mại;
- đỏ / đo đỏ;

Gợi ý: Thực hiện theo các bước như sau:

- Đặt câu với mỗi từ.
- So sánh sắc thái giảm nhẹ hoặc nhấn mạnh, sắc thái biểu cảm giữa từ đơn (tiếng gốc) và từ láy được cấu tạo từ tiếng ấy. Các từ láy có sắc thái nghĩa giảm nhẹ (mềm mại, đo đỏ) và màu sắc biểu cảm rõ hơn so với tiếng gốc (từ đơn).

Phần II. LUYỆN TẬP

Soạn Bài 1 trang 43 sgk ngữ văn 7 tập 1

Tìm và phân loại từ láy trong đoạn đầu văn bản Cuộc chia tay của những con búp bê (từ "Mẹ tôi, giọng khản đặc..." cho đến "nặng nề thế này.").

Gợi ý:

Tìm và phân loại theo bảng.

Láy toàn bộ		bần bật, thăm thẳm, chiêm chiện, chiêm chiếp,
Láy bộ phận	Láy phụ âm	đầu nức nở, tức tưởi, rón rén, lặng lẽ, rục rờ, nháy nhót, riu ran, nặng nề
	Láy phần vần	

Soạn ngữ văn 7 tập 1 Bài 2 trang 43 sgk

Cấu tạo từ láy từ những tiếng gốc cho trước theo bảng sau:

Tiếng gốc	Từ lấy
lố	lấp lố,...
nhỏ	nho nhỏ, nhỏ nhắn,...
nhức	nhức nhối,...
khác	khang khác,...
thấp	thâm thấp,...
chéch	chênh chéch,...
ách	anh ách,...

Soạn Bài 3 trang 43 sgk ngữ văn lớp 7 tập 1

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau:

nhẹ nhàng, nhẹ nhõm:

- Chị... khuyên nhủ em.
- Làm xong công việc, nó thờ phào... như trút được gánh nặng.

xấu xí, xấu xa:

- Mọi người đều căm phẫn hành động... của tên phản bội.
- Bức tranh của nó vẽ nguệch ngoạc,...

tan tành, tan tác:

- Chiếc lọ rơi xuống đất, vỡ...
- Giặc Ân bị chàng trai làng Gióng đánh cho...

Gợi ý:

Đọc kỹ để phân biệt sắc thái nghĩa của mỗi câu. Các từ in đậm là phù hợp với câu đầu.

Soạn Bài 4 sgk ngữ văn 7 tập 1.trang 43

Đặt câu với mỗi từ: Nhỏ nhắn, nhỏ nhất, nhỏ nhẹ, nhỏ nhen, nhỏ nhoi.

Gợi ý:

- Cô giáo em có dáng người nhỏ nhắn.
- Anh Dũng nói năng nhỏ nhẹ như con gái.
- Mẹ chăm chút cho các con từ những cái nhỏ nhất nhất.
- Bạn bè không nên nhỏ nhen với nhau.
- Đàn voi đã đi cả ngày trời mà vẫn không tìm được một vũng nước nhỏ nhoi nào.

Soạn Bài 5 sgk trang 43 ngữ văn 7 tập 1

Các từ sau đây là từ láy hay từ ghép?

Máu mủ, mặt mũi, nhỏ nhen, tóc tai, râu ria, khuôn khổ, ngọn ngành, tươi tốt, nấu nướng, ngu ngốc, học hỏi, mệt mỏi, nảy nở.

Gợi ý:

Kiểm tra bằng cách đối chiếu với các đặc điểm của từ láy và từ ghép (các từ đã cho đều là từ ghép).

Soạn Bài 6 trang 43 sgk ngữ văn 7

Các tiếng chiền (trong chùa chiền), nê (trong no nê), rớt (trong rơi rớt), hành (trong học hành) có nghĩa là gì? Các từ chùa chiền, no nê, rơi rớt, học hành là từ ghép hay từ láy?

Gợi ý:

Nghĩa của các từ:

- Chiền: Từ cổ, cũng có nghĩa là chùa.
- Nê: Từ cổ, có nghĩa là chán
- Rớt: Rơi ra một vài giọt (còn sót lại, hồng, không đỗ) hoặc cũng có nghĩa là rơi.

- Hành: Thực hành.